

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Hợp Đồng Hợp Tác Kinh Doanh này (“Hợp đồng”) được lập và có hiệu lực từ ngày __ tháng __ năm 20.. bởi Các Bên:

BÊN A :

Mã số thuế :

Đại diện : Chức vụ :

Địa chỉ :

Điện thoại : Email:

Số TK : - Ngân hàng:

Sau đây gọi tắt là “**Công ty**”

Bên B :

Mã số thuế :

Đại diện : Chức vụ :

Địa chỉ :

Điện thoại : Email:

Số TK : - Ngân hàng:

Sau đây gọi tắt là “**Đối tác**”

Công ty và Đối tác trong Hợp đồng này khi gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”

Bối cảnh:

- A. Xét rằng, Công ty là một tổ chức có tư cách pháp nhân hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam có mong muốn được xây dựng và phát triển hệ thống phân phối Sản phẩm (“Sản phẩm” như định nghĩa tại Điều 1) của Đối tác;
- B. Xét rằng, Đối tác là một pháp nhân hiện đang hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam sở hữu các công thức, cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện sản xuất Sản phẩm;
- C. Công ty và Đối tác mong muốn hợp tác để cùng nhau xây dựng và phát triển hệ thống Sản phẩm;

Do vậy, để đạt được mục đích trên, Các Bên cùng nhau ký kết hợp đồng này với những điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

- 1.1. “**Hợp đồng**” nghĩa là hợp đồng hợp tác kinh doanh Sản phẩm này bao gồm tất cả các sửa đổi, bổ sung, phụ lục, thông báo, các biên bản thỏa thuận, nếu có;
- 1.2. “**Sản phẩm**” tại Hợp đồng này bao gồm các loại mỹ phẩm chăm sóc da mặt được Đối tác sản xuất theo tiêu chuẩn, chất lượng mà Công ty cung cấp. Sản phẩm tại Hợp đồng này có thể được thay đổi tùy theo hoàn cảnh và điều kiện thực tế.
- 1.3. “**Chi phí sản xuất**” có nghĩa là Chi phí để Đối tác tạo ra Sản phẩm. Chi phí sản xuất này sẽ được Các Bên thống nhất trước khi Đối tác tiến hành Sản xuất Sản phẩm và xác định theo từng đơn hàng.

- 1.4. **“Thông báo”** có nghĩa là thông tin được phát đi bởi một Bên bằng hình thức email (được gửi đến địa chỉ email của mỗi Bên trong Hợp đồng) hoặc văn bản (được gửi đến địa chỉ đăng ký kinh doanh của mỗi Bên trong Hợp đồng), và có nội dung xác định cụ thể bao gồm: nội dung thông báo, thời gian phản hồi thông báo. Trường hợp bất kỳ địa chỉ của Bên nào thay đổi so với Hợp đồng thì phải Thông báo bằng văn bản trước cho Bên còn lại biết trước khi chính thức thay đổi.
- 1.5. **“Đồng ý”** có nghĩa là Thông báo thể hiện sự đồng ý/chấp thuận của Bên nhận thông báo hoặc hết thời hạn trả lời thông báo mà Bên nhận thông báo không trả lời thông báo.
- 1.6. **“Quy trình hợp tác”** có nghĩa là các bước công việc nhằm chỉ dẫn Các Bên trong Hợp đồng thực hiện.
- 1.7. **“Nhãn hiệu” (thương hiệu)** có nghĩa là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ trong Hợp đồng này với các hàng hóa dịch vụ khác và được quy định chi tiết tại Điều 4 của Hợp đồng.
- 1.8. Trừ khi có quy định cụ thể khác, **“ngày”** được tính theo ngày theo dương lịch và là ngày làm việc, **“tháng”** được tính theo tháng dương lịch và **“năm”** được tính theo năm dương lịch.

ĐIỀU 2. MỤC TIÊU VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP TÁC

2.1. Mục tiêu của Hợp tác:

Hợp tác để xây dựng và phát triển hệ thống phân phối Sản phẩm nhằm phân chia lợi nhuận.

2.2. Đối tượng của Hợp tác

- i. Công ty bằng thế mạnh và kinh nghiệm của mình trong lĩnh vực truyền thông, phân phối Sản phẩm đến Khách hàng;
 - ii. Đối tác bằng nguồn lực của mình bao gồm nhưng không giới hạn như: Tiền, máy móc, thiết bị, nhà xưởng, lao động, quy trình kỹ thuật.... Để tạo ra các Sản phẩm dự theo đúng tiêu chuẩn, chất lượng và số lượng Công ty cung cấp.
- 2.3. Các Bên thống nhất quy trình hợp tác như tại Điều 5 Hợp đồng.

ĐIỀU 3. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN TRONG QUÁ TRÌNH HỢP TÁC

- 3.1. Các Bên cam kết dùng nỗ lực cao nhất để thực hiện Hợp đồng bằng việc mỗi Bên kịp thời thực hiện các hành động trong khả năng của mình để bảo đảm lợi ích chung của Các Bên theo Hợp đồng và hỗ trợ khi Bên kia gặp khó khăn.
- 3.2. Các Bên sẽ độc lập trong việc chịu trách nhiệm trước pháp luật do các hành vi vi phạm của mình gây ra. Bên vi phạm sẽ miễn trừ cho Bên bị vi phạm cùng mọi nhân viên/đối tác/khách hàng của Bên bị vi phạm khỏi mọi vi phạm của Bên vi phạm.
- 3.3. Các vấn đề cần quyết định liên quan đến Hợp đồng do Các Bên cùng thảo luận và chỉ được thực hiện khi nhận được sự Đồng ý của Các Bên. Bà(ông).....là người đại diện Công ty và Ông/Bà là người đại diện Đối tác để cùng thỏa thuận và ra quyết định đối với các vấn đề liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng.
- 3.4. Đối tác cam kết về tính Độc quyền của Sản phẩm như sau:
 - i. Công ty là đơn vị duy nhất giữa Độc quyền phân phối Sản phẩm do Đối tác sản xuất;
 - ii. Đối tác sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp tự mình/thông qua đại diện/hình thức tổ chức khác/chỉ định một đơn vị khác để Phân phối Sản phẩm này trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam;
 - iii. Quyền độc quyền này không làm phát sinh việc cấm/hạn chế hoạt động kinh doanh các sản phẩm khác của Công ty hay đối tác.

- 3.5. Công ty cam kết sẽ tiến hành đảm bảo số lượng đặt hàng tối thiểu như quy định tại Bước 3 Điều 5.1 của Hợp đồng này.
- 3.6. Mỗi Bên tự chịu trách nhiệm với các khoản bồi thường/phạt do lỗi của mình gây ra. Bên vi phạm sẽ phải trả khoản bồi thường mà Bên bị vi phạm phải trả/đã trả cho Khách hàng/Đối tác của Bên bị vi phạm theo Hợp đồng với Khách hàng và/hoặc bị Nhà nước xử phạt vì vi phạm của Bên vi phạm. Bên bị vi phạm cũng có quyền yêu cầu Bên vi phạm bồi thường cho mình một khoản tiền _____ triệu đồng khi vì lỗi của Bên vi phạm mà ảnh hưởng đến uy tín, danh tiếng của Bên bị vi phạm.

ĐIỀU 4. NHÃN HIỆU

- 4.1. Công ty sẽ sở hữu nhãn hiệu của các Sản phẩm ("**Nhãn hiệu Sản phẩm**").
- 4.2. Công ty có quyền thực hiện các thủ tục để đăng ký Nhãn hiệu Sản phẩm và nhận kết quả đăng ký.
- 4.3. Đối tác cam kết thực hiện theo những điều sau trong quá trình sử dụng Nhãn hiệu Sản phẩm:
- i. Không có bất kỳ hành động nào gây phương hại đến Nhãn hiệu Sản phẩm hoặc việc sử dụng Nhãn hiệu Sản phẩm của Công ty;
 - ii. Không khiếu nại/khởi kiện liên quan đến Nhãn hiệu Sản phẩm;
 - iii. Chỉ sử dụng Nhãn hiệu sản phẩm trong phạm vi Công ty cho phép;
 - iv. Thông báo cho Công ty khi phát hiện các hành vi xâm phạm, gây phương hại cho Nhãn hiệu Sản phẩm.

ĐIỀU 5. QUY TRÌNH HỢP TÁC

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	NỘI DUNG MÔ TẢ CHI TIẾT
<p>Bước 1: Đầu tư phát triển hệ thống phân phối</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đối tác chuyển một lần cho Công ty để phát triển thương hiệu và xây dựng hệ thống. • Hình thức chuyển: • Nội dung chuyển khoản: Thanh toán tiền đầu tư phát triển thương hiệu và xây dựng hệ thống phân phối • Thời hạn hoàn thành chuyển khoản: tính từ ngày ký Hợp đồng này. • Công ty phải sử dụng số tiền Đối tác chuyển để tiến hành xây dựng hệ thống kinh doanh các Sản phẩm. • Khoản tiền Đối tác chuyển là không hoàn lại. Trừ trường hợp Công ty không sử dụng khoản tiền sai mục đích, Công ty sẽ không phải trả lại khoản tiền trên cho Đối tác.
<p>Bước 2: Các Bên thống nhất Chi phí sản xuất</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đối tác dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của Công ty về Sản phẩm và tình hình thực tế mà đưa ra đề xuất chi phí để sản xuất Sản phẩm. • Các Bên sau đó sẽ thống nhất Chi phí sản xuất và ghi nhận Chi phí sản xuất. • Chi phí sản xuất này là cố định trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.

<p>Bước 3: Công ty đặt Sản phẩm từ Đối tác và thanh toán trước 30% giá trị đơn hàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty đặt Sản phẩm theo Phiếu đặt Sản phẩm tại Phụ lục I Hợp đồng. • Số lượng đặt hàng sẽ tùy thuộc vào tính chất sản phẩm và quy mô sản xuất của Đối tác nhưng phải đạt tối thiểu là sản phẩm/1 đơn hàng. • Công ty chuyển khoản cho Đối tác 30% giá trị đơn hàng theo Số tài khoản của Công ty ghi nhận tại phần đầu Hợp đồng trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được thông báo chấp thuận thực hiện đơn đặt hàng của Đối tác.
<p>Bước 4: Sản xuất</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đối tác sản xuất Sản phẩm theo Phiếu đặt Sản phẩm, các tiêu chuẩn Công ty cung cấp, các tiêu chuẩn tương ứng theo quy định pháp luật hiện hành.
<p>Bước 5: Công ty nhận Sản phẩm từ Đối tác</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đối tác sẽ vận chuyển Sản phẩm tới địa chỉ nêu trong Đơn đặt hàng hoặc một địa điểm khác mà Công ty đề nghị. Công ty sẽ thông báo trước 10 (mười) ngày khi có sự thay đổi địa điểm nhận Sản phẩm. • Phí vận chuyển sẽ do Đối tác chịu. • Công ty sẽ kiểm tra Sản phẩm trước khi ký vào Biên bản giao nhận hàng theo Phụ lục II Hợp đồng. - Trong trường hợp Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn thì Các Bên sẽ ghi nhận điều này. Trường hợp này Công ty có quyền: (i) Không nhận Sản phẩm và yêu cầu Đối tác trả lại khoản tiền đã nhận từ Công ty; và (ii) Yêu cầu Đối tác bồi thường thiệt hại. - Trong trường hợp có Sản phẩm bị hư hỏng thì Các Bên sẽ ghi nhận trong Biên bản giao nhận hàng và Đối tác có trách nhiệm đổi miễn phí các Sản phẩm này cho Công ty. - Trường hợp Sản phẩm đã đúng theo thỏa thuận, Các Bên sẽ ký vào Biên bản giao nhận hàng.
<p>Bước 6: Thanh toán</p>	<p>Công ty chuyển khoản cho Đối tác 70% chi phí sản xuất đơn hàng còn lại và 15% chi phí sản xuất đơn hàng theo Số tài khoản của Công ty được ghi nhận tại phần đầu Hợp đồng trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Các Bên ký vào Biên bản giao nhận hàng. Công ty có quyền khấu trừ khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại do Đối tác vi phạm Hợp đồng trong khoản tiền thanh toán cho Đối tác.</p>

5.1. Quy trình hợp tác được Các Bên thực hiện theo từng bước được mô tả chi tiết như sau:

5.2. **Quyền và nghĩa vụ của Công ty**

- i. Thực hiện các biện pháp để bảo đảm chất lượng Sản phẩm mà Đối tác cung cấp là đúng với các tiêu chuẩn, chất lượng mà Công ty đã cung cấp và tiêu chuẩn tương ứng theo quy định pháp luật hiện hành, bao gồm nhưng không giới hạn việc đưa Sản phẩm đi kiểm định chất lượng;
- ii. Đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Đối tác hoàn trả lại khoản tiền đã nhận từ Công ty, bồi thường thiệt hại cho Công ty, trả tiền phạt vi phạm cho Công ty theo quy định của Hợp đồng và pháp luật trong trường hợp phát hiện Sản phẩm của Đối tác không đạt tiêu chuẩn theo thỏa thuận ở bất kỳ thời điểm nào;

- iii. Khấu trừ khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại do Đối tác vi phạm Hợp đồng trong khoản tiền sẽ thanh toán cho Đối tác;
- iv. Các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng và quy định pháp luật.

5.3. Quyền và nghĩa vụ của Đối tác

- i. Nhận các khoản thanh toán từ Công ty theo thỏa thuận;
- ii. Bảo đảm Sản phẩm đúng với các tiêu chuẩn, chất lượng mà Công ty đã cung cấp và tiêu chuẩn tương ứng theo quy định pháp luật hiện hành;
- iii. Xuất hóa đơn Giá trị gia tăng hợp pháp cho Công ty;
- iv. Các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng và quy định pháp luật.

ĐIỀU 6. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- i. Hết thời hạn thực hiện hợp đồng và không được gia hạn;
- ii. Một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng bằng cách thông báo cho Bên kia trước ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng khi: (i) Bên kia vi phạm các nghĩa vụ của Hợp đồng và (ii) Bên bị vi phạm đã yêu cầu sửa đổi/khắc phục nhưng Bên vi phạm không thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu;
- iii. Công ty đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức trong trường hợp có kết quả kiểm tra kết luận Sản phẩm của Đối tác không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng theo thỏa thuận và/hoặc pháp luật.
- iv. Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng. Lúc này, Các Bên thỏa thuận về việc chấm dứt, thời hạn chấm dứt và giải quyết hệ quả của chấm dứt Hợp đồng.

6.2. Trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo khoản (ii) và khoản (iii) Điều 6.1 của Hợp đồng này, Bên vi phạm có nghĩa vụ thanh toán cho Bên bị vi phạm các chi phí thực tế và hợp lý, các khoản bồi thường thiệt hại mà Bên bị vi phạm phải gánh chịu do hành vi vi phạm của mình.

ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 7.1. Thời hạn của Hợp đồng này là 10 (mười) năm được tính từ ngày Hợp đồng này được ký kết.
- 7.2. Nếu một Bên muốn gia hạn thêm thời hạn đã thỏa thuận của Hợp đồng này, Bên đó phải Thông báo bằng văn bản cho Bên kia ít nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày kết thúc thời hạn quy định tại Điều 7.1 của Hợp đồng này.
- 7.3. Các Phụ lục là một phần không thể tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực như Hợp đồng.
- 7.4. Các khoản phạt/bồi thường thiệt hại theo Hợp đồng này sẽ có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng đã hết hiệu lực.
- 7.5. Bảo mật thông tin: Trừ trường hợp theo quy định của Pháp luật hoặc Các Bên có thỏa thuận khác, trước khi và trong thời gian thực hiện Hợp đồng này, không Bên nào đã công bố hay có thể công bố cho Bên thứ ba những thông tin mật (bao gồm tất cả những bí mật thương mại và những thông tin kỹ thuật và phi kỹ thuật chưa được công bố bao gồm nhưng không giới hạn như bản vẽ thiết kế, quy trình sản xuất, dự án, sản phẩm, chi phí, dữ liệu tài chính, kế hoạch tiếp thị, danh sách khách hàng và nhà cung cấp hoặc đề án của Hoạt động Kinh doanh của Hợp đồng Hợp tác); và
 - i. Duy trì việc bảo mật thông tin cho đến hết thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng Hợp tác; và
 - ii. Không cho bất kỳ người hoặc tổ chức nào biết, trừ những nhân viên, cố vấn, luật sư của mình cần biết những thông tin đó để thực thi trách nhiệm của họ; và

- iii. Không sử dụng những thông tin đó trừ khi cho các mục đích của Hợp đồng Hợp tác này.
- 7.6. Bên vi phạm không phải bồi thường thiệt hại nếu các vi phạm hoặc không tuân thủ do rơi vào các trường hợp Bất khả kháng theo Luật định bằng cách thông báo trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày biết/xảy ra sự kiện bất khả kháng cho Bên bị vi phạm.
- 7.7. Trừ trường hợp có quy định khác trong Hợp đồng, nếu một Bên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này và không khắc phục trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên bị vi phạm thì chịu phạt tương ứng 8% trên giá trị Hợp đồng ký bị vi phạm; và/hoặc tùy vào quyết định của Bên bị vi phạm mà bên vi phạm :
- i. Bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên bị vi phạm; và/hoặc
 - ii. Áp dụng điều Điều 6 của Hợp đồng này.
- 7.8. Trường hợp mỗi Bên có sự chia, tách, sáp nhập hay bất kỳ thay đổi nào khác có liên quan đến quyền sở hữu, quản lý, điều hành của mỗi Bên thì các điều khoản thoả thuận theo Hợp đồng này không bị chi phối, Hợp đồng này vẫn có giá trị thực hiện cho (các) Bên kế thừa.
- 7.9. Những vấn đề có liên quan chưa được điều chỉnh bởi Hợp đồng này thì áp dụng các quy định hiện hành của pháp luật.
- 7.10. Mỗi yêu cầu chỉnh sửa, thay đổi và giao nhận hồ sơ của Các Bên phải thực hiện bằng văn bản có xác nhận của Bên còn lại thì mới có giá trị thực hiện.
- 7.11. Các Bên cam kết không chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng này cho Bên thứ ba bất kỳ khi chưa có sự chấp thuận từ Bên còn lại.
- 7.12. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bao gồm 02 (hai) bản chính bằng Tiếng Việt và 02 (hai) bản chính bằng Tiếng Anh, mỗi Bên giữ 02 bản chính làm cơ sở thực hiện. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản Tiếng Việt và bản Tiếng Anh, nội dung bản Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Đại diện hợp pháp của Công ty và Đối tác cùng đọc, hiểu rõ toàn bộ nội dung của Hợp đồng này và cùng đồng ý ký tên, đóng dấu dưới đây vào ngày nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐỐI TÁC

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC I

PHIẾU ĐẶT SẢN PHẨM

Số: _____

Kính gửi: Công ty _____

CÔNG TY có nhu cầu đặt hàng tại Quý Công ty với nội dung đặt hàng như sau:

STT	Tên Sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền

Tổng cộng: _____ (Bằng chữ: _____)

Thời gian giao hàng: _____

Địa điểm giao hàng: _____

Các điều kiện thanh toán như trong Hợp đồng ký ngày __ tháng __ năm 20__ giữa Công ty _____ và Công ty _____.

....., ngày __ tháng __ năm 20__

XÁC NHẬN ĐƠN HÀNG

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY

PHỤ LỤC II
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: _____

....., ngày __ tháng __ năm 20 __

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

- Căn cứ Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty _____ và Công ty _____
- Căn cứ Đơn đặt hàng ngày __ tháng __ năm 20 __ của Công ty _____

Hôm nay, ngày __ tháng __ năm 20 __ tại _____, chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên giao hàng): CÔNG TY _____

- Mã số thuế : _____
- Điện thoại : _____
- Đại diện Ông/bà : _____ Chức vụ: _____

BÊN B (Bên nhận giao hàng): CÔNG TY _____

- Mã số thuế :
- Điện thoại :
- Đại diện : Chức vụ:

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng Sản phẩm được giao như sau:

STT	Tên Sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú

Bên B xác nhận Bên A đã giao cho Bên B đúng chủng loại và đủ số lượng Sản phẩm như trên.

Trường hợp giao hàng hóa nguyên đai, nguyên kiện thì quyền kiểm tra chi tiết số lượng/chất lượng sẽ được bảo lưu trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận bàn giao.

Hai bên đồng ý, thống nhất ký tên. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

KHOA TIN
LAW FIRM

